

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án
Khai thác đất làm vật liệu san lấp phục vụ thi công dự án Khu tái định cư
Vinh Quang tại mỏ QN05, phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn,
tỉnh Bình Định của Công ty TNHH Xây dựng Tấn Thành**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ quy định về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ Quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;;

Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) dự án Khai thác đất làm vật liệu san lấp phục vụ thi công dự án Khu tái định cư Vinh Quang tại mỏ QN05, phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định của Công ty TNHH Xây dựng Tấn Thành tại Biên bản phiên họp chính thức Hội đồng thẩm định báo cáo ĐTM ngày 23/11/2020;

Xét nội dung báo cáo ĐTM dự án Khai thác đất làm vật liệu san lấp phục vụ thi công dự án Khu tái định cư Vinh Quang tại mỏ QN05, phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 97/CVCT-TT ngày 26/11/2020 của Công ty TNHH Xây dựng Tấn Thành;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1117/TTr-STNMT ngày 30/11/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung báo cáo ĐTM dự án Khai thác đất làm vật liệu san lấp phục vụ thi công dự án Khu tái định cư Vinh Quang (sau đây gọi là Dự

án) của Công ty TNHH Xây dựng Tấn Thành (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại mỏ QN05, phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM của Dự án (có Phụ lục kèm theo) tại trụ sở UBND phường Bùi Thị Xuân theo quy định.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo ĐTM đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

3. Chịu trách nhiệm khắc phục các sự cố môi trường phát sinh trong quá trình thi công xây dựng và hoạt động của Dự án; bồi thường mọi thiệt hại về kinh tế, môi trường do hoạt động Dự án gây ra.

4. Trong thời gian 24 tháng kể từ thời điểm quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM nếu Dự án không được triển khai, Chủ dự án phải lập lại báo cáo ĐTM theo quy định pháp luật.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4. Ủy nhiệm Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện kiểm tra các nội dung bảo vệ môi trường trong báo cáo ĐTM đã được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 5. Giao Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT giám sát việc thực hiện của Công ty TNHH Xây dựng Tấn Thành trong quá trình hoạt động khai thác và vận chuyển đất từ dự án đến công trình; tưới nước giảm bụi trên tuyến đường vận chuyển đất từ Dự án đến công trình.

Điều 6. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT;
- UBND thành phố Quy Nhơn;
- UBND phường Bùi Thị Xuân;
- Chủ dự án;
- CVP, PVPNN;
- Lưu: VT, K4, K10

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
KHAI THÁC ĐẤT LÀM VẬT LIỆU SAN LẤP PHỤC VỤ THI CÔNG DỰ
ÁN KHU TÁI ĐỊNH CƯ VINH QUANG TẠI MỎ QN05, PHƯỜNG BÙI
THỊ XUÂN, THÀNH PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /2020 của UBND tỉnh)

1. Thông tin về dự án

1.1. Tên dự án: Khai thác đất làm vật liệu san lấp phục vụ thi công dự án Khu tái định cư Vinh Quang tại mỏ QN05, phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

1.2. Chủ đầu tư: Công ty TNHH Xây dựng Tấn Thành.

1.3. Địa chỉ liên hệ: Số 639 đường Nguyễn Huệ, thị trấn Tuy Phước, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định. Điện thoại: 0256.2211173.

1.4. Quy mô, công suất khai thác

- Diện tích dự án: 2,66 ha.

- Thời gian khai thác: 2 năm (thực hiện khai thác theo tiến độ thi công dự án Khu tái định cư Vinh Quang).

- Thời gian làm việc trong ngày: 8 giờ (từ 7h00 đến 11h30 và từ 13h30 đến 17h00 hàng ngày).

- Công suất khai thác: 89.632m³ đất địa chất/năm và 6.021m³ đất bóc/năm giữ lại để san lấp, phục hồi môi trường.

1.5. Phương pháp khai thác: bắt đầu mở vỉa khai thác từ phía Tây Bắc Dự án, khai thác theo lớp bằng từ trên xuống dưới, hết lớp này đến lớp khác; tầng khai thác trung bình 4,3m; cos kết thúc khai thác thoải dần từ +131m đến +70m (về phía Đông Nam). Công ty sử dụng 02 máy đào để khai thác đất và sử dụng ô tô 7 tấn để vận chuyển đến nơi san lấp (xe vận chuyển và thiết bị khai thác phải thể hiện đầy đủ thông tin về tên doanh nghiệp, tên công trình thi công và tên mỏ khai thác).

1.6. Hạng mục, công trình của dự án

- Công trình bảo vệ môi trường: hồ lắng phía Đông Bắc thể tích khoảng 858m³ (gần điểm góc số VII) và hồ lắng phía Đông Nam thể tích khoảng 720m³ (gần điểm góc số I), các hồ lắng có bờ bao gia cố bằng đất đầm chặt kết hợp đá dăm; mương thu gom nước mưa về hồ lắng (mương đất, tổng chiều dài khoảng 365m, có lắp đặt cống ngầm qua đường mở mỏ); mương dẫn nước từ hồ lắng ra nguồn tiếp nhận (mương đất, tổng chiều dài khoảng 100m).

- Tuyến đường tạm trong mỏ (đường đất; dài 257,39m x rộng 6,0m x cao 0,5m).

- Bãi thải tạm lưu chứa đất bóc tầng phủ diện tích khoảng 1.910m² (phía Đông Nam khu mỏ, nằm trong khu vực khai thác, được kè chắn đảm bảo).

- Khu vực phụ trợ khoảng 500m² (phía Nam khu mỏ, nằm trong khu vực khai thác (gần điểm góc số III) để bố trí lán trại tạm và bãi tập kết xe.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh trong giai đoạn khai thác

2.1. Các tác động môi trường chính của dự án

- Các tác động liên quan đến chất thải: bụi, ồn phát sinh trong quá trình khai thác, vận chuyển đất đến nơi tiêu thụ; nước mưa chảy tràn (lấn bùn đất).

- Các tác động không liên quan đến chất thải

+ Tác động đến vấn đề an toàn giao thông tại điểm giao nhau giữa tuyến đường vận chuyển ngoài mỏ đầu nối với Quốc lộ 1A.

+ Quá trình khai thác sẽ gây nguy cơ sạt lở đến bờ suối hiện trạng trong khu vực dự án.

2.2. Quy mô, tính chất nước thải

- Nước thải sinh hoạt: khoảng 0,96m³/ngày có hàm lượng ô nhiễm hữu cơ và vi sinh cao.

- Nước mưa chảy tràn có lẫn bùn đất phát sinh khoảng 12.353m³/ngày (tính cho lưu lượng ngày mưa lớn nhất).

2.3. Quy mô, tính chất của bụi

Bụi thải phát sinh trong quá trình khai thác và vận chuyển đất đến các công trình thực hiện san lấp.

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn sinh hoạt

Chất thải rắn sinh hoạt (bao bì nhựa, vỏ hộp, thức ăn thừa,...) phát sinh khoảng 3,6 ÷ 7,2 kg/ngày, có tỷ lệ chất hữu cơ cao, dễ phân hủy; gây mùi hôi và ruồi, nhặng.

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải rắn trong quá trình khai thác

Lượng đất bóc phát sinh trong quá trình bóc tầng phủ phục vụ khai thác khoảng 7.654m³.

2.6. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

Các loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên tại khu vực dự án:

+ Giẻ lau nhiễm dầu thải (Mã CTNH: 18 02 01): khoảng 10 kg/năm.

+ Bóng đèn huỳnh quang thải (Mã CTNH: 16 01 06): khoảng 01 kg/năm.

2.7. Quy mô, tính chất của chất thải khác: không có.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải

a) Xử lý nước thải sinh hoạt: sử dụng nhà vệ sinh di động và thuê đơn vị để thu gom, xử lý khi bể đầy.

b) Xử lý nước mưa chảy tràn

- Mương thu gom nước mưa chảy tràn xung quanh khu mỏ có tổng chiều dài khoảng 365m (có lắp đặt cống ngầm qua đường mỏ mỏ); mương dẫn nước từ hồ lắng ra nguồn tiếp nhận dài khoảng 100m; các mương có kết cấu bằng đất và được gia cố đảm bảo, có kè rọ đá trên mương.

- Hồ lắng phía Đông Bắc, tọa độ (1.517.396; 598.050), thể tích khoảng 858m³ (dài 22m x rộng 13m x sâu 3m); hồ lắng phía Đông Nam, tọa độ (1.517.287; 598.067), thể tích khoảng 720m³ (dài 20m x rộng 12m x sâu 3m). Các hồ lắng được chia làm 2 ngăn, có bờ bao gia cố đảm bảo. Nước mưa chảy tràn được thu gom về các hồ lắng để xử lý đạt cột B, QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (hệ số $K_q = 0,9$ và $K_f = 0,9$).

- Quy trình thu gom, xử lý

+ Nước mưa chảy tràn phía Bắc khu mỏ → mương thu gom → hồ lắng phía Đông Bắc → mương dẫn nước ra suối hiện trạng → cống thoát nước mưa trên Quốc lộ 1A.

+ Nước mưa chảy tràn phía Nam khu mỏ → mương thu gom → hồ lắng phía Đông Nam → mương dẫn nước ra suối hiện trạng → cống thoát nước mưa trên Quốc lộ 1A.

3.2. Về xử lý bụi

- Phun nước trên tuyến đường vận chuyển sản phẩm (đoạn từ khu vực dự án ra Quốc lộ 1A và trên các tuyến đường vận chuyển qua khu dân cư); tăng cường vào mùa nắng; phủ bạt các phương tiện chuyên chở trong quá trình vận chuyển.

- Vệ sinh bánh xe khi ra khỏi khu mỏ.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn sinh hoạt thông thường

Bố trí 01 thùng đựng rác sinh hoạt 660 lít đặt tại khu vực phụ trợ để lưu chứa rác sinh hoạt và hợp đồng với đơn vị thu gom rác tại địa phương định kỳ đưa đi xử lý theo đúng quy định.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý lượng đất bóc tầng phủ phát sinh trong quá trình khai thác

Bố trí bãi thải tạm lưu chứa đất bóc tầng phủ phát sinh hàng năm (diện tích khoảng 1.910 m², được kè chắn đảm bảo) để san lấp, tạo mặt bằng trồng cây cải tạo, phục hồi môi trường sau khi kết thúc khai thác hàng năm.

3.5. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

Trang bị các thùng chứa chất thải nguy hại có dán nhãn theo quy định, bố trí khu vực để lưu chứa chất thải nguy hại đảm bảo; hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển, xử lý theo quy định.

3.6. Nội dung cải tạo, phục hồi môi trường

a) Thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường với các nội dung sau

STT	Nội dung công việc	Khối lượng	Kết quả đạt được	Thời gian thực hiện
1	Cấm biển báo nguy hiểm tại khu vực Dự án.	4 cái	Đảm bảo an toàn trong quá trình khai thác.	Trước khi tiến hành khai thác và giữ lại sau khi kết thúc khai thác.
2	San gạt mặt bằng Dự án.	9.874 m ³	Không tạo hố lồi lõm, tạo độ nghiêng về phía Đông, thuận lợi cho quá trình thoát nước trồng cây.	Triển khai và hoàn thành sau 30 ngày kể từ thời điểm kết thúc khai thác hàng năm.
3	Tháo dỡ kè chắn bãi thải tạm.	22 m ³		
4	Tháo dỡ nhà tạm, nhà vệ sinh di động.	40 m ²	Trả lại hiện trạng ban đầu.	Triển khai và hoàn thành sau 30 ngày kể từ thời điểm kết thúc Dự án.
5	San lấp hệ thống mương thu nước và 02 hồ lắng.	2.418,35 m ³	Trả lại hiện trạng ban đầu.	
6	Trồng rừng keo lai phủ xanh khu vực dự án (mật độ 2.000 cây/ha).	2,66 ha	Phủ xanh khu vực khai thác.	Thực hiện khi tiến hành khai thác năm tiếp theo và sau khi kết thúc san gạt đối với năm thứ 2.
7	Đo vẽ bản đồ địa hình.	2,66 ha	- Giám sát độ sâu khai thác. - Lập bản đồ hiện trạng khai thác hàng năm và bản đồ địa hình sau khi kết thúc quá trình cải tạo, phục hồi môi trường.	Đo vẽ hàng năm và sau khi kết thúc quá trình cải tạo, phục hồi môi trường.

b) Kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường

- Tổng dự toán chi phí cải tạo, phục hồi môi trường là: **386.349.000 đồng** (Ba trăm tám mươi sáu triệu ba trăm bốn mươi chín nghìn đồng).

- Số lần ký quỹ: 02 lần; thực hiện ký quỹ như sau:

+ Lần 1, số tiền: 96.588.000 đồng; thời điểm ký quỹ: trước ngày đăng ký bắt đầu xây dựng cơ bản mở.

+ Lần 2, số tiền: 289.761.000 đồng/lần ký quỹ; thời điểm ký quỹ: trước ngày 31 tháng 01 của năm ký quỹ.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Bình Định, 387 Trần Hưng Đạo, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

Số tiền nêu trên chưa bao gồm yếu tố trượt giá sau năm 2020.

3.7. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Bố trí công nhân làm nhiệm vụ điều tiết giao thông tại điểm giao nhau giữa tuyến đường vận chuyển ngoài mỏ đầu nối với Quốc lộ 1A.

- Gia cố bờ suối hiện trạng đảm bảo không gây sạt lở.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án

- 02 hồ lắng (phía Đông Bắc và Đông Nam); hệ thống mương thu gom nước mưa chảy tràn về các hồ lắng và hệ thống mương thoát nước sau xử lý từ các hồ lắng ra nguồn tiếp nhận.

- Bãi thải tạm lưu chứa đất bốc tầng phủ.

- Nhà vệ sinh di động.

- Thùng lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt.

- Thùng lưu chứa chất thải nguy hại.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án

5.1. Giám sát nước thải đầu ra tại 02 hồ lắng với các thông số: pH, tổng chất rắn lơ lửng, dầu mỡ khoáng; so sánh với cột B, QCVN 40:2011/BTNMT (hệ số $K_q = 0,9$ và $K_f = 0,9$); tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

5.2. Giám sát không khí xung quanh: thực hiện giám sát bụi lơ lửng (TSP) tại 01 điểm gần nhà dân đầu đường vào khu vực dự án; so sánh với QCVN 05:2013/BTNMT; tần suất giám sát: 06 tháng/lần.

5.3. Giám sát lượng chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại phát sinh; tần suất giám sát: 06 tháng/lần.